

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 144/2020/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 10 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ
vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XIV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1269/BC-KTNS ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025

Các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 là căn cứ để các cấp ngân sách lập kế hoạch đầu tư

công trung hạn và hàng năm giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

2.2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025

Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương thực hiện theo nguyên tắc chung quy định tại Điều 4, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 4 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

4.1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp chính quyền địa phương.

4.3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phải phục vụ cho thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 của tỉnh, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, kế hoạch tài chính 05 năm, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế - xã hội.

4.4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương trong kế hoạch tài chính 5 năm và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

4.5. Phân bổ vốn đầu tư tập trung; không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, HĐND cấp tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

4.6. Tập trung ưu tiên phân bổ vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm của tỉnh, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo an ninh nguồn nước.

4.7. Phân bổ vốn hợp lý cho các ngành, lĩnh vực, các huyện, thành phố, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế và mức sống giữa các vùng trong tỉnh.

4.8. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4.9. Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn còn thiếu của các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025.

4.10. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện như sau:

- Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Khoản 4, Điều 101 Luật Đầu tư công *(nếu có)*;

- Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước *(nếu còn)*;

- Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài *(bao gồm cả vốn đối ứng)*; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

- Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

- Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án.

- Phân bổ vốn cho các dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 5, Điều 51 của Luật Đầu tư công;

4.11. Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước sử dụng theo quy định tại Điều 59, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, đối với phần vốn dành cho đầu tư phát triển *(nếu có)* báo cáo

cấp có thẩm quyền cho phép ưu tiên bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương theo quy định.

5. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

5.1. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thuộc đối tượng đầu tư công quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công.

5.2. Nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương

Trên cơ sở mức vốn bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao, thực hiện phân cấp cho ngân sách cấp huyện 20% tổng mức vốn, mức vốn còn lại phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Khoản 3 và các nguyên tắc quy định Khoản 4, Điều 1, Nghị quyết này.

Nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương phân cấp cho ngân sách cấp huyện: Các huyện, thành phố thực hiện phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Khoản 3 và các nguyên tắc quy định tại Khoản 4, Điều 1 Nghị quyết này.

5.3. Nguồn thu xổ số kiến thiết

Sử dụng toàn bộ nguồn thu chi cho đầu tư phát triển, bố trí tối thiểu 10% hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, phần vốn còn lại ưu tiên bố trí cho các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế.

5.4. Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh chi đầu tư phát triển

Phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Khoản 3 và các nguyên tắc quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết này, trong đó ưu tiên đầu tư trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã; trạm Y tế xã.

5.5. Nguồn thu tiền sử dụng đất

Thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh và các quy định về sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất.

5.6. Nguồn bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được HĐND tỉnh quyết định.

5.7. Đối với nguồn ngân sách địa phương khác (nếu có) để thực hiện dự án đầu tư công thì thực hiện phân bổ theo các quy định về sử dụng của từng nguồn vốn.

6. Tiêu chí và định mức phân bổ nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố

6.1. Phân bổ nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố trên cơ sở tính điểm theo các tiêu chí sau:

- Tiêu chí về dân số

- Tiêu chí về trình độ phát triển
- Tiêu chí về diện tích tự nhiên
- Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn; tiêu chí xã biên giới.
- Tiêu chí bổ sung: Trung tâm kinh tế - chính trị của tỉnh; huyện dự kiến lên thị xã giai đoạn 2021 - 2025; huyện trọng điểm phát triển du lịch; huyện dự kiến đạt huyện nông thôn mới; ưu tiên các huyện nghèo; tiêu chí số km đường biên giới.

6.2. Xác định số điểm của từng tiêu chí

a) Tiêu chí dân số

(1) Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Số dân	Điểm
Đến 60.000 người	10
Từ 60.000 người trở lên, cứ 10.000 người tăng thêm được cộng thêm	1

(2) Điểm tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số dân	Điểm
Cứ 10.000 người dân tộc thiểu số	3

Dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số của các huyện, thành phố để tính toán được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2019.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Đến 10% hộ nghèo	5
Từ 10% hộ nghèo trở lên, cứ 01% hộ nghèo được thêm	0,3

Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ vào số liệu của cơ quan có thẩm quyền công bố năm 2019.

(2) Điểm của tiêu chí thu ngân sách trên địa bàn (không bao gồm số thu từ đất)

Thu ngân sách trên địa bàn	Điểm
Đến 85 tỷ đồng	7
Từ 85 tỷ đồng trở lên, cứ tăng thêm 10 tỷ đồng được thêm	0,3

Số liệu thu ngân sách trên địa bàn của các huyện, thành phố lấy theo dự toán thu ngân sách năm 2020 do HĐND tỉnh giao.

c) Tiêu chí về diện tích

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 500 km ² được	7
Từ 500 km ² trở lên, cứ 100 km ² tăng thêm	0,5

Diện tích đất tự nhiên xác định theo số liệu của Cục Thống kê năm 2019.

d) Tiêu chí số xã, phường, thị trấn

Đơn vị hành chính	Điểm
01 xã, phường, thị trấn	1

Số đơn vị hành chính cấp xã căn cứ theo số liệu của Cục Thống kê tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

e) Tiêu chí số xã biên giới

Đơn vị hành chính	Điểm
01 xã, phường, thị trấn	1

Số xã biên giới căn cứ theo số liệu của cơ quan có thẩm quyền công bố

g) Tiêu chí bổ sung

- Ưu tiên trung tâm kinh tế - chính trị của tỉnh: Thành phố Sơn La được cộng thêm 20 điểm

- Huyện dự kiến lên thị xã giai đoạn 2021 - 2025: Huyện Mộc Châu được cộng thêm 05 điểm.

- Huyện trọng điểm phát triển du lịch: Huyện Mộc Châu, Vân Hồ, Quỳnh Nhai được cộng thêm 05 điểm/1 huyện.

- Huyện dự kiến đạt huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025: Huyện Quỳnh Nhai được cộng thêm 05 điểm/1 huyện.

- Ưu tiên các huyện nghèo: mỗi huyện được cộng thêm 05 điểm/1 huyện (*danh sách các huyện nghèo theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ*).

- Tiêu chí chiều dài đường biên giới:

Chiều dài biên giới quản lý	Điểm
Huyện có số km đường biên giới từ 0 đến dưới 40 km	1
Huyện có số km đường biên giới từ 40 km đến dưới 80 km	1,5
Huyện có số km đường biên giới từ 80 km trở lên	2

6.3. Phương pháp tính định mức vốn phân bổ

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thành phố và tổng số điểm của 12 huyện, thành phố làm căn cứ để phân bổ nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương, theo công thức sau:

Gọi A là tổng số vốn bổ sung cân đối ngân sách địa phương phân cấp cho các huyện, thành phố (*không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*).

Gọi B là tổng điểm của 12 huyện, thành phố.

Gọi C_i là tổng điểm của huyện thứ i.

Gọi D_i là số vốn bổ sung cân đối ngân sách địa phương phân bổ cho huyện thứ i.

$$\text{Khi đó: } Di = \frac{A}{B} \times Ci$$

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XIV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ 5 thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2020 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTƯQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND; UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ các xã, phường, thị trấn;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, (150b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng